

Vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Võ Tú Phương*

Nhận ngày 28 tháng 2 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Tóm tắt: Mục đích của bài viết là làm rõ vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Bài viết tìm hiểu vai trò của ngôn ngữ trong việc định hình và lan truyền ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam, cũng như tìm hiểu xem ngôn ngữ có thể góp phần thay đổi ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Thông qua ngôn ngữ, các thông điệp bảo vệ môi trường không chỉ được truyền tải một cách đầy đủ mà còn thúc đẩy con người hành động để cùng nhau xây dựng một hành tinh xanh, theo cơ chế hành động ngôn từ của Austin. Ngôn ngữ được xem là cầu nối để đưa những khái niệm khoa học hàn lâm thành nội dung dễ hiểu, gần gũi và dễ tiếp cận đối với cộng đồng.

Từ khoá: Ngôn ngữ, ý thức, bảo vệ, môi trường, Việt Nam.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: The purpose of this article is to clarify the role of language in raising awareness of environmental protection in Vietnam. It studies the role of language in shaping and spreading the awareness in the country, and whether language can contribute to changing the awareness among the residents. The findings indicate that language plays a vital and indispensable role in enhancing the awareness in Vietnam. Through language, messages of environmental protection not only are sufficiently communicated but also inspire humans' action toward building a greener planet, in line with Austin's theory of speech acts. Language serves as a bridge that translates complex scientific concepts into content that is easy to understand and accessible for and familiar to the general public.

Keywords: Language, awareness, protection, environment, Vietnam.

Subject classification: Linguistics

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là một trong những công cụ cơ bản trong việc truyền tải thông tin và nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường. Thông qua ngôn ngữ, chúng ta có thể chia sẻ các kiến thức khoa học, kêu gọi hành động, khơi dậy nhận thức và thúc đẩy thay đổi trong thái độ và hành vi đối với các vấn đề môi trường. Ngôn ngữ không chỉ đóng vai trò giáo dục mà còn là công cụ thúc đẩy thay đổi hành vi của con người trong việc bảo vệ môi trường. Thông qua ngôn ngữ, các thông điệp và kiến thức về môi trường được truyền tải đến mọi người. Nó cũng tạo ra sự thuyết phục, khơi dậy cảm xúc và kêu gọi con người cùng nhau hành động vì một hành tinh xanh.

Đứng trước sự ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên trầm trọng, các quốc gia trên thế giới đã bắt đầu nhận ra sự tác động của nó đến con người. Vì thế, họ đã cố gắng xử lý vấn đề này bằng nhiều biện pháp, trong đó có các hiệp ước và quy định quốc tế nhằm nâng cao nhận thức của tất cả người dân trong việc bảo vệ môi trường. Việc nâng cao chất lượng môi trường sống trở thành chủ đề quan trọng trong nghiên cứu học thuật ở những năm gần đây. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, mặt trái của quá trình công nghiệp hoá đã làm cho môi trường ngày càng suy thoái (Harvey, 1993; Kamil, Abdoellah, Agustin, & Bakti, 2021). Vì thế, các yêu cầu

* Trường Đại học Khánh Hòa.
Email: votuphuong@ukh.edu.vn

về môi trường trong việc sản xuất hàng hoá trở thành một trong những tiêu chí để xây dựng danh tiếng và thương hiệu. Các tổ chức xuyên quốc gia đang tiếp tục xây dựng chuỗi sản xuất hàng hoá thân thiện với môi trường nhằm xây dựng một hành tinh xanh. Nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường có vai trò vô cùng quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động tiêu cực lên môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững. Khi cộng đồng hiểu rõ giá trị của môi trường và ý thức về trách nhiệm bảo vệ nó, họ sẽ chủ động hơn trong việc điều chỉnh các hành vi cá nhân và tập thể, từ đó tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực trên toàn xã hội.

Tại Việt Nam, vấn đề bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước hết sức chú trọng. Nó được cụ thể hóa thành các văn bản luật bảo vệ môi trường năm 2020: Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ chính trị; Quyết định số 419/QĐ-TTg, ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng carbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030; Chỉ thị 13/CT-TTg, ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý tín chỉ carbon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định,...

Để tiến hành nghiên cứu vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam, tác giả sử dụng, phương pháp phân tích và tổng hợp. Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành nhằm tìm hiểu vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam được thể hiện qua những nội dung nào? Trong nghiên cứu này, đối tượng nghiên cứu là vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào sự tác động của ngôn ngữ đối với việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

Một số nghiên cứu về ngôn ngữ và lý thuyết truyền thông cho rằng, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện quan trọng trong giao tiếp mà còn là công cụ chính để truyền tải thông điệp giữa cá nhân với cộng đồng và giữa cộng đồng với toàn xã hội. Lý thuyết truyền thông của các nhà nghiên cứu (Communication Theory) (Khatri, S., & Wilde, M. M. 2020; Good, L. T. 2022; Van Ruler, B. 2020; Rachmad, Y. E. 2022) nhấn mạnh, ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở việc trao đổi thông tin mà còn có vai trò xây dựng, củng cố và biến đổi nhận thức của con người. Một số nghiên cứu về ngôn ngữ truyền thông đã có những đóng góp quan trọng để làm sáng tỏ khái niệm về ngôn ngữ và vai trò của ngôn ngữ trong việc định hình suy nghĩ trong cộng đồng. Các nhà nghiên cứu tiêu biểu như Ferdinand de Saussure, Noam Chomsky, Edward Sapir đã đóng góp to lớn không chỉ về khung lý thuyết mà còn giải thích vai trò của ngôn ngữ trong đời sống xã hội và tư duy con người. Các nghiên cứu cả trong và ngoài nước đã chỉ rõ vai trò của ngôn ngữ trong việc gắn kết cộng đồng nhằm chung tay bảo vệ môi trường.

Một số nghiên cứu về mối quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ với việc bảo vệ môi trường. Kamil, I., Abdoellah, O. S., Agustin, H., & Bakti, I. (2021) cho rằng, để bảo vệ môi trường tốt không chỉ chú trọng đến việc đưa ra các chính sách mà còn phải đẩy mạnh tuyên truyền thông qua việc phát triển du lịch sinh thái. Trong phát triển du lịch sinh thái thì ngôn ngữ có vai trò chuyển tải các khái niệm phức tạp về môi trường theo cách dễ hiểu nhằm thu hút cộng đồng tham gia một cách trực tiếp (Harvey, D. 1993) đã bàn đến mối quan hệ giữa hoạt động của con người và sức khỏe của hệ sinh thái. Công trình đã nhấn mạnh đến sự tương tác mang tính hai chiều, trong đó hoạt động của con người có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hệ sinh thái, ngược lại hệ sinh thái lại ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người. Nghiên cứu của Banerjee, P., & Sowards, S. K. (2022) bàn về sự tác động của môi trường

đến giọng nói và văn hoá của con người. Nghiên cứu này chỉ ra rằng, bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp môi trường đã tác động đến đời sống con người một cách chủ động. Vì vậy việc nghiên cứu về con người ở mỗi vùng miền khác nhau không thể tách khỏi môi trường mà phải đặt nó trong mối quan hệ tương hỗ với nhau. Vì vậy việc nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường không thể dùng một phương pháp cho tất cả người dân mà phải có sự đa dạng về phương pháp và hình thức. Nghiên cứu của Paliewicz, N. S., & McHendry, Jr, G. F. (2020) đã chỉ ra rằng, giữa tự nhiên và con người có mối quan hệ biện chứng với nhau, ở đó con người là một phần đặc biệt của giới tự nhiên. Trong quá trình tồn tại của mình con người đã cố gắng cải biến giới tự nhiên theo ý muốn của mình. Sự cải biến này bao hàm cả tính tích cực lẫn hạn chế. Tuy nhiên, ở một giai đoạn lịch sử nhất định con người đã can thiệp một cách thô bạo vào giới tự nhiên mà không nghĩ đến việc bảo tồn nó. Kết quả của sự can thiệp thô bạo ấy là môi trường sống của con người bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Một số công trình nghiên cứu cho rằng ngôn ngữ là một trong những công cụ hữu hiệu nhất để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường thông qua các thông điệp và các chiến dịch tuyên truyền. Việc tuyên truyền, giáo dục ý thức cộng đồng được thể hiện một cách đa dạng nhằm phù hợp với từng nhóm người. Việc tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường phải được thể hiện một cách đa dạng, dễ hiểu và phù hợp với đặc điểm vùng miền nhằm khuyến khích và lan tỏa ý thức trách nhiệm của toàn xã hội.

Ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc tuyên truyền được thể hiện một cách đa dạng và phong phú nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc chung tay bảo vệ môi trường sống. Để tiến hành nghiên cứu về chủ đề vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam, tác giả cho rằng, cần phải dựa trên một nền tảng lý thuyết về ngôn ngữ học, truyền thông, và xã hội học nhằm chỉ rõ vai trò của ngôn ngữ trong việc xây dựng ý thức và thái độ bảo vệ môi trường của cộng đồng.

3. Vai trò giao tiếp của ngôn ngữ trong giáo dục môi trường

Ngôn ngữ có một sức mạnh to lớn trong việc nâng cao ý thức cho mọi người dân. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của môi trường đối với chất lượng sống nên Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho rằng, "văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tiếng mẹ đẻ của mỗi dân tộc được tự do phát triển, tồn tại và được đảm bảo" (Nguyễn Văn Khang, 2003: 183). Hiến Pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/2013 cũng đã khẳng định "các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình". Rõ ràng, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng và tạo điều kiện để các dân tộc phát triển văn hóa của mình một cách tự do và bình đẳng trước pháp luật. Các dân tộc Việt Nam trong quá trình tồn tại đã cùng nhau thêu dệt nên một bức tranh văn hóa sinh động và đẹp đẽ. Trước sự biến đổi của khí hậu và sự khai thác tài nguyên một cách thô bạo, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ra sức tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Cho đến nay đã có hàng trăm câu khẩu hiệu tuyên truyền về môi trường, trong đó có một số câu tiêu biểu như: Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của mỗi công dân; Mỗi người đều có thể làm cho thế giới sạch hơn, v.v.

Các câu khẩu hiệu trên đã thể hiện một cách sinh động vấn đề về môi trường mà Đảng và Nhà nước Việt Nam muốn truyền tải. Nó thể hiện sự súc tích, dễ hiểu giúp người dân nhận thức sâu sắc về thực trạng ô nhiễm môi trường và khuyến khích họ chung tay bảo vệ môi trường như bảo vệ chính mình. Ngôn ngữ không chỉ đã biến các khái niệm phức tạp thành

các từ ngữ đơn giản mà còn biểu tượng hóa, để từ trẻ cũng như già có thể hiểu được. Ví dụ: thay vì chúng ta đưa ra thuật ngữ biến đổi khí hậu và giải thích nó một cách đầy đủ thì chúng ta có thể diễn đạt nó bằng câu “trái đất đang ngày một nóng lên”. Khi sử dụng câu trên thì cộng đồng sẽ hiểu được nhanh chóng, chính xác vấn đề đưa ra.

Ngôn ngữ có khả năng khơi dậy lòng trắc ẩn, tình yêu thương của mỗi cá nhân và thúc dục họ hành động. Ví dụ như chủ đề “hành tinh của chúng ta, trách nhiệm của chúng ta! Hãy hành động ngay bây giờ cho một tương lai bền vững” đã làm cho người đọc có một cảm xúc nhất định, chính cảm xúc này đã thôi thúc mọi người tham gia bảo vệ môi trường. Ngôn ngữ là công cụ truyền tải chủ yếu đối với việc giáo dục cho các thế hệ biết nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Ngôn ngữ giúp khắc sâu kiến thức vào bộ não người để hình thành ý thức trách nhiệm và thói quen bảo vệ môi trường. Một khi các cụm từ bảo vệ môi trường xâm nhập vào mọi hoạt động của con người thì lối sống xanh và nếp sống xanh sẽ có thêm nhiều cơ hội được hình thành.

Ngôn ngữ có vai trò tạo động lực và khơi dậy cảm xúc cho con người trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Theo thông tin của trung tâm truyền thông tài nguyên và môi trường ngày 01/5/2024, “hiện tượng El Nino đang suy yếu dần và dự báo có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina trong các tháng cuối năm 2024. Biến đổi khí hậu tiếp tục tác động làm gia tăng tính cực đoan (gồm cả tối thấp và tối cao) nên năm 2024 dự báo sẽ có diễn biến thiên tai KTTV phức tạp, gồm cả nắng nóng, hạn mặn, đông lạnh mưa đá hơn mức bình thường vào nửa đầu năm và mưa, bão, lũ, ngập lụt xuất hiện nhiều, tập trung vào nửa cuối năm. Đây là kịch bản tác động khá giống với hình thái diễn biến El Nino Southern Oscillation (ENSO) năm 2020”. Để người đọc có thể nắm được thì cần rút ngắn thành, “năm 2024 thời tiết diễn biến phức tạp tương tự như năm 2020”. Để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cần phải sử dụng ngôn ngữ một cách tích cực như “hãy cùng nhau xây dựng nên một hành tinh xanh”; “tạo lập một tương lai xanh cho thế hệ mai sau”. Các từ ngữ được sử dụng để tuyên truyền phải truyền được cảm hứng mạnh mẽ để mọi người tự nguyện tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Việc sử dụng cụm từ “hành tinh” gợi lên một hình ảnh tổng quát và bao quát về Trái Đất trong vũ trụ, làm người đọc, người nghe cảm nhận được sự nhỏ bé của mình trong không gian rộng lớn. Nó làm cho mọi người hiểu rằng, con người là một phần nhỏ bé nhưng hết sức quan trọng của tự nhiên và trái đất chính là nơi cư ngụ duy nhất tính đến thời điểm hiện tại của con người. Để nơi cư ngụ của mình được an toàn thì cần phải bảo vệ nó như bảo vệ chính mình. Từ “xanh” có ý nghĩa biểu trưng cho sự sống, sự trong lành và cân bằng sinh thái. Màu xanh chính là một màu biểu trưng cho các cây cối, nguồn nước sạch và không khí trong lành. Như vậy, màu xanh là yếu tố căn bản để duy trì sự sống. Cụm từ hành tinh xanh không chỉ thể hiện tính thẩm mỹ mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ và gìn giữ. Để xây dựng một tương lai xanh cho con người thì đòi hỏi ngày hôm nay chúng ta phải cùng nhau hành động. Cụm từ “cùng nhau” thể hiện sự kết nối giữa các cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng và giữa cộng đồng với toàn thể nhân loại. “Thế hệ mai sau” là nhấn mạnh đến tính trách nhiệm của thế hệ hiện tại đối với con, cháu. Rõ ràng, các câu khẩu hiệu tuy ngắn gọn, dễ hiểu mà vẫn chứa đựng đầy đủ trách nhiệm và hành động của con người trong việc bảo vệ môi trường. Các từ ngữ sử dụng trong tuyên truyền không chỉ làm tăng ý thức về trách nhiệm mà còn giúp xây dựng ý thức cộng đồng, nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa con người và thiên nhiên.

Vai trò của ngôn ngữ đối với việc nâng cao nhận thức nhằm đẩy lùi tình trạng hủy hoại môi trường. Đứng trước tình trạng ô nhiễm môi trường Đảng ta đã cho rằng, “kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động khai thác tài nguyên, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô. Tăng cường đầu tư phát triển năng lượng tái tạo” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2021: 65.) Ngôn ngữ được sử dụng trong văn kiện đã nêu bật được ý chí quyết tâm của Bộ chính trị trong việc bảo vệ môi

trường. Cụm từ “kiểm soát chặt chẽ hơn” làm nổi bật tính cấp thiết của việc giám sát các hoạt động khai thác tài nguyên. Từ “chặt chẽ” có tính nhấn mạnh, chỉ ra rằng các biện pháp trước đây có thể chưa đủ mạnh, nên cần thêm sự nghiêm ngặt. Từ ngữ được sử dụng không chỉ nhấn mạnh đến việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên mà còn nhắc nhở rằng, sự khai thác tài nguyên không hợp lý có thể dẫn đến hậu quả lớn cho môi trường và nền kinh tế. Cụm từ “hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô” ngụ ý rằng, tài nguyên thiên nhiên không nên bị khai thác để xuất khẩu dưới dạng thô, nhằm giảm thiểu việc sử dụng tài nguyên một cách lãng phí. Cụm từ “tăng cường đầu tư phát triển năng lượng tái tạo” mang tính định hướng tương lai và thúc đẩy phát triển bền vững. Các cụm từ “kiểm soát,” “hạn chế,” và “tăng cường đầu tư” đều mang tính hành động, thúc đẩy cảm giác cần phải có những thay đổi cụ thể và quyết đoán.

Để đưa nghị quyết bảo vệ môi trường vào cuộc sống, trong các cuộc tuyên truyền Đảng ta đã dùng các cụm từ dễ hiểu như “tái chế”, “bền vững”, “biến đổi khí hậu”, “năng lượng sạch”, “năng lượng tái chế”, v.v. Bên cạnh đó việc đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới cũng đã được triển khai nhằm phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở từng địa phương. Đảng ta luôn chú trọng đến việc sử dụng phương ngữ trong việc bảo tồn và truyền tải các tri thức liên quan đến hệ sinh thái địa phương. Phương ngữ chứa đựng những từ ngữ, cụm từ và khái niệm mô tả chính xác các loài cây, loài động vật và hiện tượng tự nhiên đặc trưng của hệ sinh thái địa phương. Những từ ngữ này thể hiện kiến thức chi tiết về đặc điểm sinh học, chu kỳ sinh trưởng và giá trị của từng loài trong hệ sinh thái, giúp cộng đồng hiểu rõ và quản lý môi trường của mình. Phương ngữ là phương tiện để truyền tải các kỹ thuật khai thác tài nguyên bền vững, từ kỹ thuật canh tác truyền thống đến quy trình thu hoạch thủ công không gây hại cho hệ sinh thái. Những phương pháp này giúp cộng đồng khai thác tài nguyên một cách hợp lý và tránh làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên quý giá. Phương ngữ cũng chứa đựng các giá trị văn hóa gắn liền với tự nhiên, chẳng hạn như quan niệm về việc bảo vệ những khu vực rừng thiêng hay những loài động vật quý hiếm được xem là linh vật. Các giá trị này không chỉ giúp bảo vệ hệ sinh thái mà còn gắn kết cộng đồng trong việc giữ gìn thiên nhiên. Có thể nhận thấy rằng, phương ngữ là công cụ giáo dục hiệu quả cho thế hệ trẻ về tri thức và kỹ năng sinh thái. Thông qua ngôn ngữ, người lớn có thể truyền đạt kinh nghiệm, câu chuyện và kiến thức về môi trường ở địa phương, giúp trẻ em hiểu và tôn trọng thiên nhiên.

4. Thực trạng và các giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của ngôn ngữ trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

Quá trình toàn cầu hóa đã mang lại cho nhân loại nhiều lợi thế nhưng nó cũng đặt ra không ít thách thức, trong đó có sự thách thức về ô nhiễm môi trường đang ngày một nghiêm trọng. Việt Nam cũng là một nước có tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra khá phức tạp. Theo Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân (giai đoạn 2012-2022) của Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế, hàng năm nước ta có 9.000 người tử vong trong tổng số 200.000 người bị ung thư do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng trong thời gian dài. Khoảng 20% dân số Việt Nam đang sử dụng nguồn nước trên bề mặt, bị ô nhiễm. Tình trạng nước thải ở một số nhà máy chưa được xử lý mà xả thẳng ra môi trường gây ô nhiễm nghiêm trọng. Theo báo cáo của tổ chức IQAir AirVisual (IQAIR) thì cho đến hết năm 2024, Việt Nam xếp thứ 36 trong tổng số 177 nước có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất, tính theo chỉ số chất lượng không khí (AQI). Tại châu Á, nước ta là một trong 10 nước có chỉ số ô nhiễm không khí cao nhất. Nồng độ mịn (PM2.5) của Việt Nam cao gấp 4,9 lần ngưỡng cho phép theo Iquair. Đặc biệt thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai thành phố có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng.

Theo số liệu của Cục Thống kê, vào năm 2024 thì cả nước có 1.627,3 ha rừng bị thiệt hại. Trong đó rừng bị chặt, phá chiếm 54,42%, bị cháy chiếm 45,58%. Trong hai tháng đầu năm 2025 diện tích rừng bị thiệt hại là 73,1 ha, trong đó rừng bị cháy chiếm 23,3%. Theo Báo cáo thì trong hai tháng đầu năm tổng diện tích rừng bị thiệt hại đã tăng lên 64% so với cùng kỳ năm trước. Rừng không chỉ là nguồn tài nguyên quý giá mà còn là môi trường sinh tồn của hàng triệu loài sinh vật. Việc tàn phá rừng dẫn đến sự suy giảm nghiêm trọng về đa dạng sinh học do nhiều loài bị mất nơi cư trú, đẩy chúng đến bờ vực tuyệt chủng. Sự biến mất của các loài trong quần xã sinh vật kéo theo sự đứt gãy của các mối quan hệ dinh dưỡng và chuỗi thức ăn, gây ra hiện tượng mất cân bằng sinh thái trong hệ sinh thái rừng. Khi diện tích rừng bị thu hẹp, khả năng hấp thụ khí nhà kính suy giảm, trong khi lượng khí CO₂ lại tiếp tục phát tán ra môi trường, góp phần đẩy nhanh quá trình nóng lên toàn cầu. Khi cây cối bị chặt phá, đất không còn được che phủ, dễ bị rửa trôi bởi mưa lớn và gió mạnh. Hệ quả là làm đất đai trở nên bạc màu, giảm sút khả năng canh tác, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực. Đồng thời, sự thu hẹp của diện tích rừng sẽ nguyên nhân làm gia tăng nguy cơ thiên tai như lũ quét, sạt lở đất làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam đã mang lại nhiều lợi thế. Tuy nhiên, sự tác động không mong muốn vẫn còn tồn tại, trong đó có vấn đề môi trường. Các nguồn chất thải từ hoạt động công nghiệp, sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt đô thị đang góp phần trực tiếp vào việc suy thoái chất lượng nguồn nước, đặc biệt tại các đô thị lớn và khu công nghiệp tập trung. Theo thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, mỗi ngày có khoảng 350.000 đến 400.000 m³ nước thải cùng 1.000 m³ rác thải rắn bị xả thẳng ra hệ thống sông ngòi, trong khi chỉ khoảng 10% lượng nước thải này được xử lý trước khi thải ra môi trường. Ở thành phố Hồ Chí Minh chỉ tính riêng tại khu công nghiệp Thành Lương, lượng nước thải mỗi ngày lên tới 500.000 m³ (Hậu Nguyễn, 2024). Theo số liệu từ Viện Y học Lao động và Vệ sinh môi trường, hiện có khoảng 17 triệu người dân Việt Nam đang sử dụng nguồn nước chưa qua xử lý. Việc tiếp xúc lâu dài với nguồn nước không đảm bảo vệ sinh đã gây ra những hệ lụy nghiêm trọng về sức khỏe cộng đồng. Mỗi năm, gần 9.000 người tử vong và khoảng 20.000 trường hợp mắc bệnh ung thư có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng nước ô nhiễm. Đặc biệt, có tới 21% dân số đang phải dùng nguồn nước có chứa asen - một chất độc có khả năng gây ung thư cao - đặt ra thách thức lớn về y tế và môi trường trong bối cảnh hiện nay (BIOGENCY).

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng cộng sản Việt Nam đã chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân bằng các phương tiện truyền thông và giáo dục chính sách. Để thực hiện thành công việc tuyên truyền cần sử dụng hình thức tuyên truyền đa dạng nhằm truyền tải thông điệp bảo vệ môi trường đến cộng đồng. Để nâng cao nhận thức cho người dân về môi trường thì tuyên truyền là một trong những giải pháp tốt nhất. Việc tuyên truyền phải được diễn ra bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau. Quá trình tuyên truyền phải sử dụng các cụm từ và khẩu hiệu ngắn gọn, dễ nhớ, như: “Hãy chủ động ứng phó, tăng cường khả năng thích ứng với hạn hán; Mỗi người đều có thể góp phần phục hồi đất bị suy thoái; Cùng hành động để bảo tồn thiên nhiên, điều hòa khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Cùng liên kết chống lại biến đổi khí hậu và ngăn chặn sự phá hủy hệ sinh thái toàn cầu; Hành tinh của chúng ta, trách nhiệm của chúng ta! Hãy hành động ngay bây giờ cho một tương lai bền vững; Ngăn chặn và đảo ngược sự mất mát của các hệ sinh thái và đa dạng sinh học” (Công văn số: 2964/BTNMT-TTTT, ngày 09/5/2025). Ngôn ngữ đơn giản, gần gũi nhưng mang tính kêu gọi này giúp lan truyền thông điệp nhanh chóng và dễ hiểu, từ đó thu hút sự chú ý và khuyến khích hành động của người dân. Từ góc độ “nghĩa chủ đề” (Nguyễn Văn Hiệp, 2008: 187-208) cho thấy mỗi thông điệp đều mang ý nghĩa và trọng tâm nhất định trong

vấn đề bảo vệ môi trường. Nghĩa chủ đề hướng tới việc kêu gọi cộng đồng hành động để xây dựng nên một hành tinh bền vững. Các thông điệp không chỉ là lời kêu gọi mà còn là lời nhắc nhở về mối liên hệ sâu sắc giữa con người và thiên nhiên. Rõ ràng, Việt Nam đã tiến hành xây dựng nhiều chương trình phóng sự, phim tài liệu và chương trình truyền hình để tạo nên sự sinh động trong việc tuyên truyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong các chương trình này được thể hiện một cách chân thực, sinh động các vấn đề về ô nhiễm, biến đổi khí hậu và sự suy thoái môi trường, từ đó kích thích cảm giác trách nhiệm xã hội của người xem.

Để có chiến lược xây dựng ý thức bảo vệ môi trường một cách lâu dài, Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo chú trọng lồng ghép các bài học về bảo vệ môi trường ở các cấp học. Cách sử dụng ngôn ngữ trong sách giáo khoa và tài liệu học tập thường đơn giản, dễ hiểu, có tính minh họa để giúp người học hình dung rõ hơn về các vấn đề môi trường. Không chỉ dừng lại ở đó, hàng tháng các trường còn tổ chức các chương trình ngoại khóa cho người học nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường với các chủ đề như vẽ tranh mang chủ đề môi trường, dọn vệ sinh trong khuôn viên nhà trường và các điểm di tích, v.v.. Nhờ có sự lồng ghép này ý thức bảo vệ môi trường của người học đã được nâng lên. Việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường còn được lan tỏa bằng hình thức nhắc nhở những người xung quanh cùng hành động. Thông qua ngôn ngữ kêu gọi hành động và cung cấp kiến thức thực tiễn, các hoạt động đã nuôi dưỡng lòng yêu thiên nhiên và tinh thần bảo vệ môi trường của người học.

5. Thảo luận

Đứng trước những thách thức trong việc bảo vệ môi trường, Đảng, Nhà nước và các đoàn thể đã phát động nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân và tổ chức như: chiến dịch Tết xanh - tết bền vững; chiến dịch làm cho thế giới xanh sạch hơn; chiến dịch giờ trái đất; chiến dịch nhân nhựa; chiến dịch vì môi trường, nói không với sản phẩm nhựa; chiến dịch khu phố xanh; chiến dịch dòng kênh xanh; chiến dịch bờ biển sạch, v.v.. Trong các chiến dịch này, ngôn ngữ đóng vai trò là trung tâm và không thể thay thế trong việc xây dựng, triển khai, lan tỏa thông điệp của các chiến dịch môi trường. Với tư cách là công cụ giao tiếp xã hội, ngôn ngữ không chỉ truyền tải thông tin của chiến dịch mà còn định hướng nhận thức, khơi dậy cảm xúc và thúc đẩy hành động của cộng đồng. Những cụm từ như “Tết xanh - Tết bền vững”, “Giờ Trái đất”, “Nói không với sản phẩm nhựa”, hay “Nhân nhựa” đều mang tính biểu tượng, dễ nhớ và có sức gợi cảm hứng. Cách đặt tên ngắn gọn, sáng tạo và giàu tính hình tượng đã giúp các chiến dịch dễ dàng lan tỏa trong cộng đồng, đặc biệt qua các kênh truyền thông đại chúng và mạng xã hội. Thông qua các chiến dịch môi trường, ngôn ngữ được sử dụng để thay đổi cách nhìn nhận của người dân đối với thiên nhiên và hành vi tiêu dùng. Các thông điệp môi trường được thiết kế ngắn gọn, dễ lan truyền trên nhiều nền tảng khác nhau tạo nên hiệu ứng truyền thông đa chiều và bền vững.

6. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Thông qua ngôn ngữ, các thông điệp bảo vệ môi trường không chỉ được truyền tải một cách đầy đủ mà còn thúc đẩy con người hành động để cùng nhau xây dựng một hành tinh xanh. Ngôn ngữ được xem là cầu nối giúp chuyển hóa những khái niệm khoa học thành nội dung dễ hiểu, gần gũi và dễ tiếp cận đối với cộng đồng. Tuy nhiên, để ngôn ngữ thực sự phát huy hiệu quả một cách đầy đủ nhất cần phải chú trọng đến tính đơn giản, dễ hiểu và tính phù hợp trong các thông điệp môi trường. Để xây dựng nên một môi trường xanh, sạch đẹp cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, nhà trường, nhà ngôn ngữ. Trong thời gian tới cần làm rõ vai trò của phương ngữ đối với

việc bảo vệ môi trường. Nghiên cứu này là cơ sở cho việc khám phá sự tác động của ngôn ngữ đối với các vấn đề môi trường cụ thể trong công nghiệp, trong giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Banerjee, P., & Sowards, S. K. (2022). Working across languages/cultures in international and environmental communication fieldwork. *Journal of International and Intercultural Communication*, 15(1): 36-56. <https://doi.org/10.1080/17513057.2020.1850844>
- BIOGENCY. Ô nhiễm môi trường: Thực trạng và hậu quả báo động. <https://biogency.com.vn/o-nhiem-moi-truong-thuc-trang-va-hau-qua-bao-dong/#:~:text=Theo%20th%E1%BB%91ng%20k%C3%AA%20c%E1%BB%A7a%20Vi%E1%BB%87n,tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20%C4%91%C3%A3%20qua%20x%E1%BB%AD%20l%C3%BD>
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2024). *Công văn Số: 2964/BTNMT-TTTT, ngày 09/5/2024 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05 tháng 6), Tháng hành động vì môi trường.*
- Brulle, R. J. (1996). Environmental discourse and social movement organizations: A historical and rhetorical perspective on the development of US environmental organizations. *Sociological Inquiry*, 66(1): 58-83. <https://doi.org/10.1111/j.1475-682X.1996.tb00209.x>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. t.1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Gilliam Brown-George Yule. (2002). *Phân tích diễn ngôn (Trần Thuần, dịch)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Good, L. T. (2022). Power, hegemony, and communication theory. In: *Cultural politics in contemporary America*:51-64. Routledge.
- Greider, T., & Garkovich, L. (1994). Landscapes: The social construction of nature and the environment. *Rural sociology*, 59(1): 1-24. <https://doi.org/10.1111/j.1549-0831.1994.tb00519.x>
- Harvey, D. (1993). The nature of environment: dialectics of social and environmental change. *Socialist Register*, 29.
- Hậu Nguyễn. (2024). Ô nhiễm môi trường nước: Thực trạng, nguyên nhân, biểu hiện và cách khắc phục. <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/o-nhiem-moi-truong-nuoc-883-97004-article.html>
- Kamil, I., Abdoellah, O. S., Agustin, H., & Bakti, I. (2021). Dialectic of environmental communication in Indonesian conservation area. *Environmental Communication*, 15(2): 203-217. <https://doi.org/10.1080/17524032.2020.1819362>
- Khatrī, S., & Wilde, M. M. (2020). Principles of quantum communication theory: A modern approach. *arXiv preprint arXiv:2011.04672*. <https://doi.org/10.48550/arXiv.2011.04672>
- Koerner, E. F. (2013). *Ferdinand de Saussure: Origin and development of his linguistic thought in western studies of language* (Vol. 7). Springer-Verlag.
- Koerner, E. F., & De Saussure, F. (1973). *Origin and development of his linguistic thought in Western studies of language. A Contribution to the History and Theory of Linguistics*. Braunschweig: Friedrich Vieweg & Sohn.
- Nguyễn Thiện Giáp. (2008). *Giáo trình ngôn ngữ học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hiệp. (2008). *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. Nxb. Giáo dục.
- Nguyễn Văn Khang. (2003). *Kế hoạch hóa ngôn ngữ ngôn ngữ học xã hội vĩ mô*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Paliewicz, N. S., & McHendry, Jr, G. F. (2020). Post-dialectics and fascist argumentation in the global climate change debate. *Argumentation and Advocacy*, 56(3): 137-154. <https://doi.org/10.1080/10511431.2020.1790781>
- Rachmad, Y. E. (2022). *Communication Adaptation Theory*. Ancona Adriatico Libri Internazionali. Edizione Speciale 2022.
- Van Ruler, B. (2020). Communication theory: An underrated pillar on which strategic communication rests. In: *Future directions of strategic communication*:39-53. Routledge.